

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/DS-ST

Ngày 27/6/2024

“Tranh chấp thừa kế tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thuý và bà Nguyễn Thị Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2023/TLST-DS ngày 16/10/2023 về việc “tranh chấp thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXX-ST ngày 16/4/2024 và các Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, Thông báo mở phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Doãn Trung M, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Số A Q, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Doãn Quốc T, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Số A Q, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Doãn Trung T1, sinh năm 1962; Nơi ĐKHKTT: 39 Tổ B Cụm D, phường B, quận T, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Số C, ngõ E phố V, phường B, quận T, thành phố Hà Nội (có mặt).

3.2. Anh Doãn Hoàng T2, sinh năm 1989; Nơi ĐKHKTT: Số C Tổ B Cụm D, phường B, quận T, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Số C, ngõ E phố V, phường B, quận T, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

3.3. Bà Đoàn Thị B, sinh năm 1958; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số G Chùa Đ, H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

3.4. Anh Doãn Hải N, sinh năm 1982; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số G Chùa Đ, H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

3.5. Chị Doãn Thùy N1, sinh năm 1988; Nơi ĐKHKTT: 142 N, L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Doãn Trung T1, anh Doãn Hoàng T2, bà Đoàn Thị B, anh Doãn Hải N, chị Doãn Thùy N1: Ông Doãn Trung M- nguyên đơn (có mặt).

3.6. Bà Ngô Thị T3, sinh năm 1960; Nơi cư trú: A Q, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn ông Doãn Trung M trình bày:*

Bố mẹ ông là cụ Doãn Thế L, sinh năm 1933 và cụ Nguyễn Thị S, sinh năm 1931. Hai cụ sinh sống tại địa chỉ số A Q, phường Q, thành phố H và sinh được 04 người con trai gồm Doãn Quốc T, Doãn Trung K, ông- Doãn Trung M và Doãn Trung T1. Ngày 12/11/2011 cụ S mất, ngày 17/6/2017 cụ L mất, ngày 04/7/2014 ông K mất. Vợ và các con ông K là bà Đoàn Thị B, anh Doãn Hải N (con trai cả) và chị Doãn Thùy N1 (con gái út). Cụ S và cụ L không có con riêng, con nuôi.

Quá trình chung sống hai cụ có khối tài sản chung là diện tích đất khoảng 240m² ở địa chỉ số A Q, phường Q, thành phố H và ngôi nhà 02 tầng xây năm 1990. Nguồn gốc thửa đất này các cụ được Nhà nước giao và có thu tiền sử dụng đất. Khi vẫn còn minh mẫn, các cụ đã làm thủ tục tặng cho vợ chồng con trai cả là ông Doãn Quốc T và bà Ngô Thị T3 một nửa đất và nhà 2 tầng ngăn làm đôi chung tường 20cm. Sau đó các cụ và vợ chồng ông T đều xây dựng thêm nhà 03 tầng phía sau đất của mình. Nhà và đất ông T bà T3 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) và đang sử dụng, nay là nhà số A Q. Phần nhà đất còn lại được cấp GCNQSDĐ mang tên cụ L cụ S, nay là số nhà A Q.

Ngày 21/6/2008, cụ L cụ S lập Di chúc có nội dung phân chia di sản là quyền sử dụng đất và nhà ở của hai cụ ở địa chỉ số A Q cho ba con là K, M, T1, mỗi người được hưởng 1/3 giá trị nhà đất, cùng với chỉ định người giữ di chúc, quản lý di sản, phân chia di sản và phụ lục kèm theo quyết định phân chia di sản thờ cúng và đồ đạc trong nhà. Di chúc do cụ L viết tay vào ngày 21/6/2008 tại số nhà A Q, hai cụ đã ký tên và được Lãnh đạo UBND phường Q chứng thực nội dung và chữ ký của các cụ cùng ngày.

Vào ngày giỗ đầu cụ L, trước sự chứng kiến của họ hàng, ông T đã công bố toàn văn bản Di chúc của hai cụ. Mọi người đều nhất trí và không có ý kiến. Sau đó, ông T1 và vợ con ông K (do ông K chết) đều tự nguyện cho ông phân di sản theo di chúc, từ chối nhận di sản nhưng ông T không phối hợp để làm thủ tục sang tên nhà đất cho ông. Ông T yêu cầu thực hiện xây nhà thờ chung của dòng họ ở huyện P, tỉnh Hưng Yên và di chuyển phần mộ của cụ S về cạnh phần mộ của cụ L thì ông T mới đồng ý tham gia việc khai nhận di sản. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến anh em không thống nhất và buộc ông phải khởi kiện đến Tòa án.

Nay ông đề nghị Toà án giải quyết vụ án: Công nhận bản Di chúc lập ngày 21/6/2008 của cụ Doãn Thế L và Nguyễn Thị S được UBND phường Q chứng thực vào ngày 21/6/2008 là hợp pháp, chia di sản theo di chúc. Do những người thừa kế theo di chúc (ông T1 và con trai cả ông T1 và vợ con ông K) đều từ chối và cho ông hưởng toàn bộ di sản nên ông đề nghị giao toàn bộ quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 06, diện tích 123m² ở địa chỉ số A Q, phường Q, thành phố H cho ông được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu. Đối với di sản là đồ thờ cúng cùng các đồ đạc khác theo Phụ lục kèm theo di chúc, ông và mọi người thuộc hàng thừa kế đều không tranh chấp để tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài di sản là nhà đất ở địa chỉ số A Q và đồ thờ cúng, đồ đạc trong nhà, các cụ không còn tài sản nào khác. Trước khi chết, các cụ không để lại nghĩa vụ tài sản với người khác. Các con cùng chăm sóc các cụ lúc già yếu và tổ chức mai táng, cải táng cho các cụ khi chết nên ông không yêu cầu giải quyết đối với các chi phí này.

Hiện trạng thửa đất của ông T bà T3 và của cụ L cụ S so với GCNQSDĐ không phù hợp về số liệu kích thước các cạnh, diện tích, nội dung này ông đề nghị Toà án xem xét ranh giới giữa hai thửa đất theo hiện trạng tài sản vì ngôi nhà 02 tầng phía trước là lịch sử để lại có từ năm 1990, khi bố mẹ phân chia, ngăn tường ngôi nhà hai tầng cho ông T, sau ông T xây dựng thêm nhà 03 tầng sát với nhà 02 tầng như hiện nay. Hiện ông là người quản lý di sản nhà đất ở số A Q từ sau khi các cụ mất, không sửa sang, nâng cấp công trình.

Diện tích đất phía cuối của thửa đất do các cụ vượt lập lấn chiếm trên có trồng 03 cây nhãn, 01 cây khế chưa được nhà nước công nhận nên ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Với các cây trên đất, ông đề nghị giải quyết ai được giao sử dụng đất thì được hưởng. Ông không yêu cầu trả công sức trông nom, quản lý di sản và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

** Ý kiến của bị đơn ông Doãn Quốc T:* Bố mẹ ông là cụ Doãn Thế L, cụ Nguyễn Thị S tặng cho ông đất ở địa chỉ số A Q là đúng sự thật. Về thời điểm chết, hàng thừa kế, di sản thừa kế và việc lập di chúc của cụ L, cụ S như tài liệu chứng cứ mà Toà án đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Sau khi các cụ chết, ông đã công bố di chúc trước sự chứng kiến của mọi người trong họ. Còn việc phân chia di sản theo di chúc, ông chưa tham gia thực hiện vì phần mộ của các cụ chưa được quy tập mà ông M đã yêu cầu phân chia, khai nhận di sản là không nên. Nay, nguyên đơn khởi kiện, ông đề nghị Toà án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Đối với di sản là đồ thờ cúng cùng các đồ đạc khác theo Phụ lục kèm theo di chúc, ông không yêu cầu Toà án phân chia mà để tự mọi người giải quyết.

Đối với diện tích đất mà bố mẹ đã tặng cho ông và được cấp GCNQSDĐ. Số đo hiện trạng đất khác với GCNQSDĐ, quan điểm của ông là cho đến nay gia đình không phát sinh tranh chấp với bất kỳ ai về mảnh đất này. Diện tích đất ở phía cuối thửa đất là các cụ lán chiếm chưa có trong GCNQSDĐ, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với đoạn tường bao do ông xây dựng ở cuối thửa đất và các cây trên đất, quan điểm của ông đoạn tường bao nằm trên phần đất của ai và các cây cối giao cho ai thì người đó được quyền sử dụng, không phải trả giá trị bằng tiền.

* Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Doãn Trung T1, anh Doãn Hoàng T2, bà Đoàn Thị B, anh Doãn Hải N, chị Doãn Thùy N1: Điều xác nhận thời điểm các cụ chết, hàng thừa kế, di sản thừa kế và việc lập di chúc của các cụ như nguyên đơn trình bày. Mọi người nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tự nguyện tặng cho ông M toàn bộ phần di sản mà mình được nhận theo di chúc, cho ông M được sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất ở số A Q, ông M không phải trả giá trị chênh lệch bằng tiền cho mọi người.

* Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T3: Quyền sử dụng đất ở địa chỉ số A Q đã được các cụ tặng cho bà và chồng là ông Doãn Quốc T. Hiện trạng ranh giới giữa hai thửa đất khác với GCNQSD đất nên đề nghị xem xét diện tích đất của vợ chồng bà theo đúng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nhà nước đã cấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông M trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm cho người thừa kế theo di chúc.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T1, bà B, anh N, chị N1 đều giữ nguyên các ý kiến, quan điểm đã trình bày với Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn, bị đơn, người liên quan đều chấp hành tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) áp dụng các quy định của pháp luật xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận di chúc của cụ L cụ S đề ngày 21/6/2008 là hợp pháp, chia di sản theo di chúc. Chấp nhận sự tự nguyện của ông T1 và anh N tặng cho ông M kỹ phần mà mình được nhận theo di chúc. Giao toàn bộ nhà đất ở địa chỉ số A Q cho ông M quản lý, sử dụng và sở hữu. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông M, ông T1, chấp nhận sự tự nguyện của ông M chịu án phí dân sự sơ thẩm thay cho anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bị đơn ông Doãn Quốc T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T3 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tham gia phiên toà nhưng vắng mặt và có đơn, có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Nên HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2]. Xem xét về nguồn gốc đất: Căn cứ kết quả xác minh tại UBND phường Q, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 875195, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H-00127 do UBND thành phố H cấp ngày 10/10/2006 có căn cứ xác định nguồn gốc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 06, diện tích 123m² ở địa chỉ số A Q, phường Q, thành phố H của cụ L, cụ S là nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Theo hồ sơ 1993, diện tích đất thể hiện thửa 18 tờ bản đồ 06, diện tích 309,6m² chủ sử dụng cụ S. Sau đó cụ L cụ S được cấp GCN với diện tích 240m² và nhà ở trên đất vào ngày 20/9/2006. Ngày 03/10/2006 cụ L cụ S đã làm thủ tục tặng cho vợ chồng ông T bà T3 một phần nhà đất với 117m² ở địa chỉ số A Q và đã được cấp GCN vào ngày 10/10/2006. Diện tích đất còn lại 123m² trên có nhà ở địa chỉ ở số A Q được cấp GCNQSDĐ cũng ngày 10/10/2006 là tài sản chung hợp pháp của cụ L, cụ S.

[3]. Xem xét hiện trạng ranh giới sử dụng của hai thửa đất số 164A và 164B Quang Trung: Theo hiện trạng sử dụng, các công trình xây dựng là nhà ở cấp 3 gồm nhà 02 tầng và nhà 03 tầng của cụ L cụ S và của ông T bà T3 xây sát nhau, ranh giới là đoạn gấp khúc nhưng trên GCN là đoạn thẳng, kích thước chiều rộng của cả hai thửa đất tương ứng với vị trí nhà ở 02 tầng và nhà 03 tầng hiện trạng sử dụng có số đo không phù hợp với GCNQSDĐ. Nguyên đơn đề nghị xem xét theo ranh giới hiện trạng sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án, bà T3 có ý kiến giải quyết theo số đo đã cấp GCNQSDĐ đất cho vợ chồng nhưng ông T không có đơn phản tố, bà T3 không đơn yêu cầu độc lập về xác định ranh giới.

Trong vụ án này, để xác định được di sản là diện tích đất hợp pháp của các cụ ở địa chỉ số A Q thì cần phải xem xét ranh giới sử dụng đất của thửa đất. Căn cứ nguồn gốc thửa đất ở địa chỉ số A Q của ông T bà T3 là do hai cụ tặng cho chạy theo chiều dọc của thửa đất số 18, tờ bản đồ 06, ranh đất hiện trạng của hai bên sử dụng từ trước cho đến nay chính là công trình xây dựng kiên cố xây sát nhau. Theo đó nhà 02 tầng phía trước do các cụ xây dựng năm 1990, khi tặng cho ông T một phần đất các cụ đã xây tường ngăn chia nhà, phía sau trên đất của các cụ là nhà 03 tầng xây năm 2002-2001 được xây nối sát với nhà 02 tầng phía trước; còn trên đất của ông T là nhà 03 tầng xây năm 2003 cũng được xây nối sát với nhà 02 tầng phía trước mà các cụ đã cho ông T. Các công trình nhà ở này được xây dựng trước khi được cấp GCNQSDĐ năm 2006, các bên sử dụng ranh đất ổn định và không có tranh chấp. Các hộ giáp ranh liền kề cho đến nay không tranh chấp ranh giới, mốc giới. Sau khi

ốp ranh GCNQSDĐ thì diện tích đất của ông T bị thiếu so với GCN là $0,2m^2$, diện tích đất của cụ L cụ S bị thiếu $0,4m^2$. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 175 Bộ luật dân sự, xác định theo ranh giới, mốc giới của thửa đất 164A Quang Trung theo hiện trạng đang sử dụng.

[4]. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện thửa đất ở địa chỉ số A Q của các cụ do ông M đang sử dụng là $161,6m^2$, sau khi ốp ranh với GCNQSDĐ thì diện tích được nhà nước công nhận quyền sử dụng hợp pháp cho các cụ là $122,6m^2$, diện tích còn lại không nằm trong GCNQSDĐ gồm $02m^2$ là một phần nhà 02 tầng xây trong quy hoạch vỉa hè, $37m^2$ là đất quy hoạch dự án khu dân cư B đường T, chưa bị Nhà nước thu hồi đền bù và giải phóng mặt bằng.

[5]. Như vậy di sản của các cụ là quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất ở địa chỉ số A Q. Theo đó diện tích đất $122,6m^2$ có giá là $122,6m^2 \times 27$ triệu đồng/ $m^2 = 3.310.200.000đ$, nhà cấp 3 hai tầng trị giá $56.765.000đ$, nhà cấp 3 ba tầng trị giá $141.682.000đ$; tổng trị giá di sản là $3.508.647.000đ$. Công trình phụ trợ khác trên đất đã hết niên hạn và không còn giá trị sử dụng.

[6]. Xét tính hợp pháp của Di chúc cụ L, cụ S: Các đương sự trong vụ án đều thống nhất trước khi chết các cụ có lập Di chúc chung. Ông T đã công bố di chúc sau khi các cụ mất. Di chúc đề ngày 21/6/2008 đứng tên cụ Doãn Thế L, cụ Nguyễn Thị S do chính cụ L viết tay, có chữ ký của hai cụ và chứng thực của UBND phường Q cùng ngày 21/6/2008. Di chúc có nội dung, di sản thừa kế là diện tích đất $123m^2$ và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 3 ở địa chỉ số nhà A Q; chia di sản thừa kế nhà đất cho ba con là K, M, T1, mỗi người được hưởng $1/3$ di sản; cùng với nội dung chỉ định người giữ di chúc, quản lý di sản, phân chia di sản và phụ lục kèm theo quyết định phân chia di sản thờ cúng và đồ đạc trong nhà.

Xét di chúc chung được các cụ lập khi còn minh mẫn, tinh táo, hình thức bằng văn bản, nội dung di chúc đúng với ý chí, nguyện vọng của các cụ, phù hợp với quy định của pháp luật. Hai cụ đã ký tên trước mặt người có thẩm quyền chứng thực của UBND phường Q. Căn cứ các Điều 649, 652, 653, 657, 663 BLDS năm 2005, xác định Di chúc đề ngày 21/6/2008 của các cụ đảm bảo về hình thức, nội dung nên Di chúc hợp pháp.

[7]. Về thời điểm mở thừa kế: Căn cứ Điều 633 BLDS năm 2005, Điều 611 BLDS năm 2015, thời điểm mở thừa kế là thời điểm cụ Nguyễn Thị S chết ngày 12/11/2011 và cụ Doãn Thế L chết ngày 17/6/2017.

[8]. Về hàng thừa kế: Căn cứ khoản 1 Điều 651 BLDS năm 2015, người thừa kế hàng thứ nhất của các cụ gồm có 04 con: ông Doãn Quốc T, ông Doãn Trung K, ông Doãn Trung M và ông Doãn Trung T1. Ông K mất sau cụ S và mất trước cụ L nên vợ con ông K gồm bà Đoàn Thị B, anh Doãn Hải N và chị Doãn Thùy N1 là người thừa kế của ông K.

[9]. Về người được hưởng di sản và phân chia di sản theo di chúc:

Sau khi các cụ và ông K mất, ông T1 và vợ con ông K đều có văn bản tặng kỷ phần thừa kế cho ông M. Để làm thủ tục đăng ký sang tên nhà đất cho một mình ông M thì ngày 03/4/2023 vợ con ông K lập văn bản từ chối nhận di sản, ngày 24/4/2023 ông T1 lập văn bản từ chối nhận di sản. Nhưng do ông T không thống nhất nên ông M không làm được thủ tục đăng ký quyền tài sản. Vì vậy, ông M khởi kiện yêu cầu công nhận di chúc và phân chia di sản theo di chúc.

Di chúc các cụ lập ngày 21/6/2008 là hợp pháp nên chia di sản theo di chúc. Người được chỉ định hưởng di sản theo di chúc gồm có 03 người là các ông Doãn Trung M, Doãn Trung K và Doãn Trung T1. Nên di sản được chia đều làm 03 phần, mỗi kỷ phần có giá là: 3.508.647.000đ: 3 = 1.169.549.000đ.

Trong di chúc còn có nội dung “*Nếu bất cứ lý do nào có người trong số được thừa kế trên không nhận được hoặc từ chối nhận thì phần di sản đó được giao cho người con trai trưởng của người ấy*”. Nay ông K chết. Quá trình giải quyết vụ án, con trai cả của ông K là anh N và ông T1 đều có quan điểm chia di sản theo di chúc, phần di sản mà mình được hưởng theo di chúc tặng cho lại ông M, giao toàn bộ nhà đất ở số A Q cho ông M sử dụng, không yêu cầu ông M trả lại giá trị bằng tiền. Con trai cả của ông T1 là anh Doãn Hoàng T2 cũng nhất trí với quan điểm này của ông T1, không đòi hỏi quyền lợi hưởng di sản theo di chúc. Xét ông T1, anh N không phải từ chối nhận di sản mà đồng ý nhận kỷ phần nhưng tặng kỷ phần cho ông M. Đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do đó cần giao cho ông M được sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất 122,6m² và sở hữu nhà ở, các công trình xây dựng khác gắn liền với đất (có sơ đồ kèm theo), có tổng trị giá là 3.508.647.000đ mà không phải giá trị chênh lệch bằng tiền cho những người thừa kế được hưởng theo di chúc.

[10]. Diện tích đất nằm ngoài GCNQSDĐ, trong đó có 02m² nhà hai tầng xây trong quy hoạch vỉa hè và 37m² đất nằm trong quy hoạch dự án khu dân cư B đường T, trên đất có đoạn tường bao xây bằng gạch chỉ dài 8,36m (Đoạn A11A12) do ông T xây dựng và 03 cây nhãn, 01 cây khế nên cần tạm giao cho ông M tiếp tục sử dụng cho đến khi Nhà nước có chính sách xử lý đối với diện tích đất này.

[11]. Trước khi chết, các cụ không để lại nghĩa vụ tài sản với người khác; các đương sự không yêu cầu công sức chăm sóc các cụ lúc già yếu và chi phí mai táng, cải táng cho các cụ khi chết; di sản là đồ thờ cúng cùng các đồ đạc khác theo Phụ lục kèm theo di chúc, các đương sự không yêu cầu Toà án phân chia mà để tự thỏa thuận giải quyết; đoạn tường bao xây bằng gạch chỉ dài 8,36m (đoạn B5A10) và các cây cối trên đất, các đương sự không tranh chấp, ai được giao sử dụng đất thì được hưởng; ông M không yêu cầu công sức trông nom, quản lý di sản. Xét các nội dung

trên là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[12]. Đối với ý kiến của ông T về quy tập phần mộ của cụ S về cạnh phần mộ của cụ L không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[13]. Về án phí, chi phí tố tụng:

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nguyên đơn tự nguyện chịu cả 4.400.000đ.

Về án phí, ông M và ông T1 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông M tự nguyện chịu án phí dân sự cho anh N số tiền là 47.086.470đ nên được Toà án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 633, 649, 650, 652, 653, 657 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 175, 611, 612, 613, 643, 659 Bộ luật Dân sự năm 2015 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Doãn Trung M.

Công nhận Di chúc đề ngày 21/6/2008 của cụ Doãn Thế L và cụ Nguyễn Thị S được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương là hợp pháp và chia di sản theo di chúc.

[2]. Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự về các nội dung sau: Không yêu cầu công sức chăm sóc các cụ lúc già yếu và chi phí mai táng, cải táng cho các cụ khi chết; Di sản là đồ thờ cúng cùng các đồ đạc khác theo Phụ lục kèm theo di chúc đề ngày 21/6/2008 tự thỏa thuận giải quyết; Tường bao (đoạn A10A11) và các cây cối nằm trên đất quy hoạch dự án khu dân cư B đường T, ai được giao sử dụng đất thì được hưởng; Ông Doãn Trung M không yêu cầu công sức trông nom, quản lý di sản.

[3]. Về chia di sản theo di chúc:

- Di sản của cụ Doãn Thế L và cụ Nguyễn Thị S là quyền sử dụng đất 122,6m² và nhà ở cấp 03 gồm nhà hai tầng và nhà ba tầng thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ 06, ở địa chỉ số A phố Q, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương, được giới hạn bởi

các điểm B2, A13, A12, B5, B4, A3, A4, B3 đến B2, có tổng trị giá di sản là 3.590.150.000đ (*Ba tỷ, năm trăm chín mươi triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Chia di sản theo di chúc làm 03 phần bằng nhau cho ông Doãn Trung M, ông Doãn Trung T1 và anh Doãn Hải N, mỗi người nhận kỷ phần là 1.169.549.000đ (*Một tỷ, một trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

- Chấp nhận sự tự nguyện của ông Doãn Trung T1 và anh Doãn Hải N tặng cho ông Doãn Trung M kỷ phần mà mình được nhận theo di chúc.

- Giao cho ông Doãn Trung M được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 122,6m² và sở hữu nhà cấp 3 gồm nhà hai tầng và nhà ba tầng cùng các công trình phụ trợ khác gắn liền với đất, được giới hạn bởi các điểm B2, A13, A12, B5, B4, A3, A4, B3 đến B2.

- Tạm giao cho ông Doãn Trung M sử dụng 02m² nhà hai tầng xây trong quy hoạch vỉa hè được giới hạn bởi các điểm A5, A6, B2, B3 đến A5 và 37m² đất nằm trong quy hoạch dự án khu dân cư B đường Thanh Niên trên đất có đoạn tường bao xây bằng gạch chỉ đoạn A10A11, 03 cây nhãn, 01 cây khế và toàn bộ các tài sản khác gắn liền với đất được giới hạn bởi các điểm B4, B5, A10, A11, A2 đến B4 cho đến khi Nhà nước có chính sách xử lý đối với phần đất này.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án).

Ông Doãn Trung M được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc điều chỉnh lại giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Ông Doãn Trung M, ông Doãn Trung T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Chấp nhận sự tự nguyện của ông Doãn Trung M chịu án phí dân sự thay cho anh Doãn Hải N số tiền là 47.086.470đ *Bốn mươi bảy triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng*).

- Chấp nhận sự tự nguyện của ông Doãn Trung M chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.400.000đ (*Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*).

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, đối với người có mặt kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt thì kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu Toà;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Thị Hà

